

Số: 31/KH-SKHCN

Vĩnh Long, ngày 01 tháng 4 năm 2025

KẾ HOẠCH
Triển khai thực hiện phát triển kinh tế số và xã hội số năm 2025

Căn cứ Quyết định số 411/QĐ-TTg, ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 43/KH-UBND, ngày 06/6/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;

Căn cứ Quyết định số 2808/QĐ-UBND, ngày 31/12/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2025.

Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện phát triển kinh tế số và xã hội số năm 2025 với các nội dung như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Phát triển kinh tế số

Thực hiện các chỉ tiêu năm 2025 (từ số thứ tự 90 đến 121 phần II về Chỉ tiêu, nhiệm vụ Kinh tế số trọng tâm năm 2025 của Phụ lục 2 Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 2808/QĐ-UBND, ngày 31/12/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh).

2. Phát triển xã hội số

Thực hiện các chỉ tiêu năm 2025 (từ số thứ tự 122 đến 159 phần III về Chỉ tiêu, nhiệm vụ xã hội số trọng tâm năm 2025 của Phụ lục 2 Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 2808/QĐ-UBND, ngày 31/12/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh).

(Chi tiết các chỉ tiêu như Phụ lục các nhiệm vụ năm 2025 đính kèm)

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Phát triển nền móng kinh tế số và xã hội số

1.1. Thể chế

a) Tiếp tục rà soát, bổ sung, hoàn thiện và ban hành kịp thời các văn bản nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế số và xã hội số phù hợp với điều kiện thực tế trên địa bàn tỉnh.

b) Tuyên truyền, phổ biến các văn bản chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh về cơ chế, chính sách, pháp luật trong từng ngành, lĩnh vực phù hợp với yêu cầu của

phát triển kinh tế số, xã hội số.

1.2. Hạ tầng

a) Tổ chức triển khai chiến lược, lộ trình số hóa và thông minh hóa các lĩnh vực hạ tầng thiết yếu phục vụ kinh tế số và xã hội số gồm: hạ tầng bưu chính, viễn thông; hạ tầng giao thông; hạ tầng cung cấp điện; hạ tầng thủy lợi và ứng phó với biến đổi khí hậu; hạ tầng đô thị; hạ tầng thương mại, công nghiệp và năng lượng; hạ tầng giáo dục và đào tạo; hạ tầng khoa học và công nghệ; hạ tầng y tế; hạ tầng văn hóa, thể thao, du lịch.

b) Đẩy mạnh phát triển hạ tầng kết nối số cho người dân. Đẩy nhanh tốc độ phủ mạng cáp quang, mạng di động băng rộng đến tất cả các khóm ấp, khu vực dân sinh trên toàn tỉnh; tăng nhanh tỷ lệ người dùng Internet, đặc biệt ở khu vực nông thôn; nâng cao dung lượng kết nối và chất lượng dịch vụ mạng, phủ sóng chất lượng và kết nối mạng băng thông rộng.

1.3. Nền tảng số

a) Tổ chức triển khai xây dựng nền tảng số dùng chung cho các ngành lĩnh vực phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số trên địa bàn tỉnh.

b) Thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP); bảo đảm việc kết nối, chia sẻ dữ liệu được thực hiện thông suốt, tránh đầu tư chồng chéo, lãng phí.

1.4. Dữ liệu số

a) Tổ chức triển khai phát triển dữ liệu và phát triển nhân lực dữ liệu trong các lĩnh vực trọng điểm: xây dựng, nông nghiệp và môi trường, nội vụ, khoa học và công nghệ; bảo đảm dữ liệu được tạo lập tuân thủ theo định dạng máy đọc được, sẵn sàng khả năng chia sẻ, khai thác, sử dụng một cách dễ dàng.

b) Tổ chức triển khai xây dựng kho dữ liệu dùng chung, kho dữ liệu mở phục vụ phân tích, dự báo hỗ trợ quá trình ra quyết định của tỉnh, kết nối liên thông, mở chia sẻ dữ liệu để tập hợp tài nguyên dữ liệu trong ngành, lĩnh vực, địa phương vào một đầu mối xử lý, phân tích, tạo ra các giá trị mới phục vụ phát triển kinh tế số và xã hội số.

c) Đẩy mạnh triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và chuyển đổi số.

1.5. Nhân lực số

a) Tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức kiến thức về chuyển đổi số, bồi dưỡng quản trị mạng nội bộ và bảo mật, an toàn, an ninh thông tin, quản trị Cổng/Trang thông tin điện tử, kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu, kiến trúc chính quyền điện tử.

b) Tổ chức triển khai nền tảng số kết nối các cơ sở đào tạo với các doanh nghiệp để thúc đẩy đào tạo và đào tạo lại kỹ năng số cho người lao động, kết nối cung cầu thị trường lao động.

Tổ chức triển khai Chương trình “Học từ làm việc thực tế”, trong đó cơ quan Nhà nước là cầu nối giữa các trường Đại học, Cao đẳng, cơ sở đào tạo và doanh nghiệp để xây dựng chương trình đào tạo nguồn nhân lực theo yêu cầu thực tế và đặt hàng của doanh nghiệp.

c) Tổ chức triển khai lồng ghép vào các hoạt động và môn học có liên quan đối với từng cấp học về kỹ năng số trong giáo dục phổ thông. Chú trọng tập huấn, đào tạo giáo viên và trang bị thiết bị, phần mềm. Khuyến khích các cơ sở giáo dục phối hợp với các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ đào tạo kỹ năng số để triển khai.

Cơ sở giáo dục các cấp từ tiểu học đến trung học phổ thông có tổ chức các hoạt động giáo dục STEM/STEAM và kỹ năng số; học sinh phổ thông có hồ sơ số về việc học tập trên địa bàn tỉnh; trường phổ thông triển khai hoạt động quản lý dạy và học trên môi trường số, triển khai học liệu số; Thanh toán học phí trong trường phổ thông không dùng tiền mặt; Thư viện trường Trung học phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các cơ sở giáo dục khác trên địa bàn tỉnh có trang thông tin điện tử có khả năng cung cấp dịch vụ trực tuyến trên nhiều phương tiện truy cập (trừ các dịch vụ thuộc phạm vi bí mật nhà nước và dịch vụ độc hạn chế).

1.6. Kỹ năng số, công dân số

a) Tổ chức các chương trình đào tạo kỹ năng số cơ bản, kỹ năng số nâng cao, kỹ năng kỹ thuật cho các đối tượng là cán bộ lãnh đạo, cán bộ kỹ thuật, công nghệ thông tin và chuyên trách chuyển đổi số, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan nhà nước, trong các doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh và Tổ công nghệ số cộng đồng.

b) Triển khai các chương trình tập huấn hướng dẫn cho các Tổ công nghệ số cộng đồng để thúc đẩy cài đặt, sử dụng app “Smart Vĩnh Long”.

c) Triển khai ký số từ xa theo hướng ưu tiên phổ cập việc sử dụng chữ ký số cá nhân cho người dân một cách đơn giản, thuận tiện, an toàn và có giá sử dụng chữ ký phù hợp thu nhập của người dân.

d) Tuyên truyền cho người dân lợi ích thanh toán không dùng tiền mặt, cài đặt ứng dụng định danh điện tử, ...

1.7. Doanh nghiệp số

a) Đẩy mạnh triển khai Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã và tổ hợp tác chuyển đổi số; xây dựng các tài liệu đào tạo, hướng dẫn chuyển đổi số; triển khai các khóa đào tạo, tập huấn về kỹ năng số, chuyển đổi số cho doanh nghiệp, hợp tác xã.

b) Phát huy vai trò dẫn dắt của doanh nghiệp đầu ngành trong chuyển đổi số, phát triển và nhân rộng nền tảng số ngành, tạo hệ sinh thái số trong các ngành, lĩnh vực.

c) Thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 47/KH-UBND ngày 16/6/2022 của UBND tỉnh về triển khai Đề án “Xác định Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số” trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

d) Triển khai các Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp bưu chính, chuyển phát và logistic chuyển đổi số; Chương trình hỗ trợ các cơ sở, cửa hàng bán lẻ chuyển đổi số; Chương trình hỗ trợ các hộ sản xuất nông nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể chuyển đổi số, kinh doanh trên sàn thương mại điện tử. Hỗ trợ, thúc đẩy phát triển nền tảng quản trị tổng thể, nền tảng kế toán dịch vụ, nền tảng tối ưu hóa chuỗi cung ứng, nền tảng thương mại số nông nghiệp.

1.8. Thanh toán số

a) Tổ chức triển khai hiệu quả Kế hoạch số 28/KH-UBND, ngày 21/3/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh năm 2025; Quyết định số 849/QĐ-UBND ngày 29/4/2022 của UBND tỉnh về thực hiện ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 1813/QĐ-TTg ngày 28/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

b) Triển khai Chương trình phát triển tài khoản thanh toán điện tử qua các dịch vụ ngân hàng trên địa bàn toàn tỉnh.

1.9. An toàn thông tin mạng

a) Đảm bảo yêu cầu an toàn thông tin mạng mặc định từ giai đoạn thiết kế, xây dựng khi phát triển các hạ tầng số, nền tảng số; cung cấp dịch vụ số được bảo đảm sẵn về an toàn thông tin mạng ở mức cơ bản.

b) Tổ chức triển khai phổ cập dịch vụ an toàn thông tin mạng cơ bản giúp người dân phòng, tránh và tự bảo vệ mình trước những nguy cơ, rủi ro và sự cố mất an toàn thông tin mạng.

c) Tổ chức triển khai dịch vụ an toàn thông tin mạng chuyên nghiệp giúp tổ chức, doanh nghiệp thực hiện các mô hình bảo vệ.

d) Tổ chức triển khai hệ sinh thái tín nhiệm mạng như một chỉ dẫn quan trọng, tạo niềm tin cho người dân trên môi trường số thông qua việc thực hiện đánh giá và dán nhãn tín nhiệm cho các trang/cổng thông tin điện tử, phần mềm ứng dụng và các hệ thống thông tin khác đáp ứng yêu cầu về an toàn thông tin mạng.

e) Bảo đảm, xác thực thông tin trên nền tảng cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, kết nối để phục vụ việc xác nhận mức độ bảo đảm, xác thực của danh tính số của người dân.

g) Đẩy mạnh công tác phòng, chống tội phạm công nghệ cao trong các hoạt động kinh tế - xã hội.

2. Phát triển kinh tế số và xã hội số ngành, lĩnh vực

2.1. Nông nghiệp và môi trường

Phát triển kinh tế số và xã hội số theo hướng nông nghiệp số gắn liền với nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp tuần hoàn, nông thôn hiện đại, nông dân chuyên nghiệp, văn minh. Các nhiệm vụ trọng tâm bao gồm:

a) Tổ chức triển khai phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, chuyển dịch từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế số nông nghiệp; phát triển các nền tảng số phục vụ nhu cầu của người nông dân.

b) Tổ chức triển khai nền tảng dữ liệu số nông nghiệp trong đó cơ quan nhà nước đóng vai trò dẫn dắt, hợp tác xã và doanh nghiệp nông nghiệp đóng vai trò nòng cốt và người nông dân tham gia tích cực trong việc thu thập, cung cấp dữ liệu mở phục vụ sản xuất nông nghiệp, tiêu thụ nông sản. Khuyến khích nông dân sử dụng các thiết bị, ứng dụng IoT (robot trong nông nghiệp, máy bay không người lái, công nghệ cảm biến từ xa, các ứng dụng theo dõi, cập nhật tình hình thời tiết, giám sát vật nuôi cây trồng, ứng dụng IoT trong bảo trì máy móc nông nghiệp, trong xây dựng quản lý chuồng trại, ...) để quan trắc, giám sát phục vụ đời sống và hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình.

c) Tổ chức triển khai nền tảng truy xuất nguồn gốc nông sản cho phép kiểm tra nguồn gốc, xuất xứ, quy trình sản xuất, tiêu chuẩn chất lượng của nông sản.

d) Tổ chức triển khai mô hình xã chuyển đổi số, trong đó, nhiệm vụ trọng tâm là gắn kết phát triển thương mại điện tử với Chương trình quốc gia mỗi xã một sản phẩm.

đ) Tổ chức triển khai phổ cập kỹ năng số cho người nông dân theo hướng tuyên truyền, phổ biến qua phương tiện truyền thông cơ sở; qua hệ thống hội nông dân các cấp; tuyên truyền, vận động, hướng dẫn, hỗ trợ nông dân chuyển đổi số trong quá trình tổ chức sản xuất nông nghiệp và tham gia vào phát triển kinh tế số, xã hội số; tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn kỹ năng số cho người nông dân thông qua các nền tảng số, đào tạo trực tuyến, liên tục phát triển kỹ năng và tri thức số cho người nông dân, ưu tiên nhóm kỹ năng về sử dụng, khai thác các sản phẩm giao dịch điện tử, thanh toán điện tử, nhận biết, phòng ngừa lừa đảo trên mạng.

2.2. Y tế

a) Rà soát, sửa đổi quy định, chính sách trong y tế để cơ sở khám, chữa bệnh có bộ phận chức năng và cung cấp dịch vụ tư vấn khám, chữa bệnh từ xa; khai thác sử dụng hồ sơ sức khỏe điện tử; đơn thuốc điện tử; thanh toán không dùng tiền mặt.

b) Thúc đẩy, khuyến khích bệnh viện đồng thời cũng là doanh nghiệp công nghệ số về y tế; phát động và thu hút làn sóng doanh nghiệp công nghệ đầu tư vào y tế số; tuyên truyền người dân sử dụng dịch vụ chăm sóc sức khỏe và tư vấn khám chữa bệnh từ xa.

c) Tổ chức triển khai nền tảng hỗ trợ tư vấn khám, chữa bệnh từ xa kết nối bệnh viện với bệnh viện, bệnh viện tuyến trên với bệnh viện tuyến dưới, giúp giảm tải các cơ sở y tế, khám, chữa bệnh kịp thời, tiết kiệm thời gian và chi phí.

d) Tổ chức triển khai thí điểm hồ sơ bệnh án điện tử tại Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố tiến tới triển khai tại các bệnh viện trên địa bàn tỉnh với

mục tiêu đến năm 2030 tất cả các bệnh viện và Trung tâm Y tế cấp huyện sử dụng bệnh án điện tử thay cho bệnh án giấy, thanh toán viện phí không dùng tiền mặt; triển khai nền tảng quản lý đơn thuốc điện tử quốc gia tại tất cả các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập và tư nhân trên địa bàn tỉnh.

đ) Tổ chức triển khai nền tảng quản lý xét nghiệm thống nhất trên địa bàn tỉnh. Các kết quả xét nghiệm trong hồ sơ bệnh án điện tử được công nhận lẫn nhau giữa các cơ sở khám, chữa bệnh.

e) Tổ chức triển khai nền tảng quản lý tiêm chủng, nền tảng quản lý thông tin y tế cơ sở, nền tảng quản lý trạm y tế xã thống nhất trên địa bàn tỉnh.

g) Tổ chức triển khai nền tảng hồ sơ sức khỏe cá nhân, mỗi người dân có một hồ sơ số về sức khỏe cá nhân để hình thành hệ thống chăm sóc y tế số hoàn chỉnh từ khâu chăm sóc sức khỏe ban đầu, dự phòng đến điều trị. Hồ sơ sức khỏe điện tử được cập nhật thường xuyên, lưu lại thông tin về tình trạng sức khỏe người dân trong suốt cuộc đời.

h) Thúc đẩy phát triển các nền tảng hỗ trợ tư vấn sức khỏe trực tuyến, kết nối người dân với bác sĩ tư vấn.

2.3. Giáo dục và đào tạo

a) Triển khai nền tảng dạy, học trực tuyến cho học sinh, sinh viên, giáo viên trên địa bàn tỉnh.

b) Tìm kiếm và ứng dụng sản phẩm, dịch vụ của các doanh nghiệp công nghệ giáo dục vào giảng dạy. Tạo cơ chế thí điểm các sản phẩm, dịch vụ mới đột phá, hỗ trợ đào tạo nhanh, hiệu quả.

c) Tổ chức triển khai đào tạo chuyên ngành về giáo dục và đào tạo số tại các cơ sở đào tạo trong ngành giáo dục và đào tạo.

2.4. Thương mại, công nghiệp

a) Thương mại

- Quản lý, giám sát hoạt động của các nền tảng thương mại điện tử; chống hàng nhái, hàng giả và bảo vệ người tiêu dùng trong các giao dịch thương mại điện tử trực tuyến; xây dựng thị trường thương mại điện tử lành mạnh, có tính cạnh tranh và phát triển bền vững.

- Tổ chức triển khai Chương trình thúc đẩy thương mại điện tử tại các vùng nông thôn có tiềm năng phát triển: hạ tầng logistics thuận lợi, có nhiều nông sản, sản phẩm thủ công, mỹ nghệ độc đáo; tăng cường liên kết thương mại điện tử giữa các vùng miền.

- Hỗ trợ người dân đưa sản phẩm dịch vụ của mình lên các sàn thương mại điện tử để góp phần đưa mỗi một người dân thành một doanh nhân. Đào tạo kỹ năng số cho tất cả mọi người dân trên địa bàn tỉnh, trao cơ hội tiếp cận với thương mại điện tử nhằm xóa đói giảm nghèo, thu hẹp chênh lệch về thu nhập. Hỗ trợ phát triển các sàn thương mại điện tử của tỉnh, tăng cường khuyến mãi, giảm chi phí vận chuyển.... nhằm thu hút nhu cầu mua sắm trên các sàn thương mại điện tử của tỉnh.

- Khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng các thiết bị, ứng dụng IoT (ứng dụng quản lý kho hàng, tối ưu hóa chuỗi cung ứng, logistics, phân tích hành vi mua sắm của khách hàng để định hướng kinh doanh, ...) để phục vụ đời sống và hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình.

b) Công nghiệp

- Tổ chức triển khai điều phối hoạt động hỗ trợ chuyển đổi số cho các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp; triển khai mô hình chuyển đổi số tới các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh, qua đó dẫn dắt phong trào chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp sản xuất.

- Tổ chức triển khai nền tảng số kết nối doanh nghiệp sản xuất với các chuyên gia công nghệ và các nhà cung cấp giải pháp chuyên nghiệp để hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số; tăng cường liên kết kinh doanh theo mô hình hợp tác tiên tiến giữa các doanh nghiệp sản xuất với đối tác trong nước và nước ngoài để tạo ra các giá trị mới, chia sẻ mạng lưới dịch vụ và tài nguyên dữ liệu, thông tin.

2.5. Du lịch

- a) Tổ chức triển khai phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực du lịch, mỗi doanh nghiệp du lịch là một doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số; phát triển các nền tảng số kết nối cung và cầu về du lịch.

- b) Tổ chức triển khai nền tảng du lịch thông minh, phục vụ chuyển đổi số cho các doanh nghiệp du lịch, kết nối doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ du lịch trong tỉnh với các nhà phân phối, đại lý du lịch trực tuyến và các sàn giao dịch du lịch trực tuyến, hỗ trợ doanh nghiệp du lịch kết nối, đổi mới sáng tạo trong hoạt động kinh doanh du lịch.

- c) Tổ chức triển khai có hiệu quả các nền tảng phục vụ Bảo tàng số, Thư viện số và các di sản.

2.6. Các ngành, lĩnh vực khác

Đối với các ngành, lĩnh vực khác, tập trung phát triển kinh tế số và xã hội số trong từng ngành, lĩnh vực theo hướng thiết lập môi trường phù hợp cho đổi mới sáng tạo, tăng cường sự chỉ đạo chiến lược và khai thác linh hoạt nguồn lực tài chính cho hoạt động hỗ trợ chuyển đổi số, hình thành hệ sinh thái kinh tế số, xã hội số ngành, lĩnh vực. Các nhiệm vụ trọng tâm bao gồm:

- a) Tổ chức triển khai phát triển kinh tế số và xã hội số trong ngành, lĩnh vực, chuyển dịch từ sản xuất truyền thống sang kinh tế số ngành, chuyển đổi số mạnh mẽ các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trong ngành, lĩnh vực; phát động và thu hút làn sóng doanh nghiệp công nghệ đầu tư phục vụ ngành, lĩnh vực; phát triển các nền tảng số ngành phục vụ nhu cầu của doanh nghiệp và người dân.

- b) Tổ chức triển khai nền tảng dữ liệu số ngành, lĩnh vực trong đó cơ quan nhà nước đóng vai trò dẫn dắt, doanh nghiệp và cơ sở sản xuất kinh doanh đóng vai trò nòng cốt và người dân tham gia tích cực trong việc thu thập, chuẩn hóa, mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ sản xuất, kinh doanh trong ngành, lĩnh vực; kịp thời cung cấp thông tin, tư vấn, dự báo tình hình cho doanh nghiệp và người dân.

c) Tổ chức triển khai nền tảng số chuyên ngành, nền tảng quản trị và kinh doanh theo từng lĩnh vực phục vụ chuyển đổi số cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trong ngành; kết nối, liên kết giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp, giữa doanh nghiệp và Nhà nước, giữa doanh nghiệp trong và ngoài nước; tạo môi trường hình thành các dịch vụ mới, mô hình kinh doanh mới, tạo điều kiện khai thác hiệu quả hệ sinh thái kinh doanh trên không gian mạng.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Cơ chế, chính sách, tổ chức, bộ máy

a) Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các quy định quản lý và các văn bản phát triển kinh tế số, xã hội số; các hoạt động của các nền tảng số, dịch vụ số và giao dịch trực tuyến; chú trọng xây dựng các chính sách để nâng tỷ lệ hoạt động trực tuyến chiếm tối thiểu 50% các hoạt động trong mỗi cơ quan, tổ chức, ngành, lĩnh vực.

b) Rà soát, chỉnh sửa, bổ sung cơ chế, chính sách để thực hiện chống độc quyền, chống mua bán, sáp nhập làm ảnh hưởng tới cạnh tranh lành mạnh trong kinh tế số trên địa bàn tỉnh; tăng cường quy định để tránh các doanh nghiệp chi phối lạm dụng; tổ chức giám sát thực thi pháp luật bảo đảm nguyên tắc thực thi công bằng, trách nhiệm như nhau trước pháp luật đối với cả doanh nghiệp Việt Nam và doanh nghiệp nước ngoài.

c) Tiếp tục duy trì các Tổ công nghệ số cộng đồng đến từng xã, phường, thị trấn, từng khóm, ấp để phổ biến hướng dẫn, trợ giúp người dân sử dụng công nghệ số và các nền tảng số, hình thành mạng lưới triển khai công nghệ rộng khắp trên toàn tỉnh.

2. Hợp tác trong nước và ngoài nước

a) Hợp tác giữa cơ quan nhà nước và doanh nghiệp nền tảng số trong việc nghiên cứu, phát triển các nền tảng số; trong việc tuyên truyền, phổ biến, tập huấn kỹ năng số cho người dân thông qua việc sử dụng nền tảng số.

b) Hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp trong nước và nước ngoài trong việc thu hút nguồn lực, tri thức, chuyển giao công nghệ số vào tỉnh Vĩnh Long một cách phù hợp với nội dung Kế hoạch.

3. Nghiên cứu, phát triển

a) Thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, ứng dụng các công nghệ số để phát triển các nền tảng số phục vụ phát triển kinh tế số và xã hội số.

b) Triển khai các chương trình nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ số mới để tạo ra những nền tảng, sản phẩm, dịch vụ số, tạo lợi thế cạnh tranh, thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số.

c) Hỗ trợ thử nghiệm các mô hình kinh doanh mới, khởi nghiệp về kinh tế số; thí điểm áp dụng các mô hình doanh nghiệp công nghệ chuyên ngành tham gia cung cấp các dịch vụ chuyên môn các lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe, giáo dục và đào tạo.

d) Xây dựng các doanh nghiệp chuyên đổi số điển hình, các mô hình mẫu, ứng dụng mẫu chuyên đổi số phù hợp đặc trưng của từng ngành, lĩnh vực, địa phương.

4. Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức

a) Tổ chức các hội nghị, hội thảo, các sự kiện về phát triển kinh tế số, xã hội số tỉnh và kết quả thực hiện các nội dung của Kế hoạch; lồng ghép nội dung về kinh tế số, xã hội số trong các sự kiện về phát triển kinh tế - xã hội, giới thiệu về đất nước, con người, văn hóa, du lịch Vĩnh Long ở trong nước và nước ngoài.

b) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn rộng khắp về các nền tảng số, các mô hình kinh tế số, xã hội số điển hình trên hệ thống truyền thông từ tỉnh đến cơ sở. Phát triển các kênh tư vấn, hỏi đáp, trợ lý ảo về kinh tế số, xã hội số, hỗ trợ người dân nâng cao kỹ năng số, sử dụng nền tảng số, dịch vụ số và công nghệ số.

5. Đo lường, giám sát triển khai

Hàng năm thực hiện điều tra, khảo sát, thu thập, công bố kết quả thống kê, đo lường các chỉ tiêu kinh tế số và các mục tiêu cơ bản về kinh tế số và xã hội số đặt ra tại Kế hoạch này.

6. Bảo đảm kinh phí

a) Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước, nguồn xã hội hóa và các nguồn kinh phí hợp pháp khác. Ưu tiên kinh phí từ ngân sách để thực hiện nhiệm vụ, giải pháp, dự án thuộc Kế hoạch này do cơ quan nhà nước chủ trì thực hiện.

b) Các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, cơ sở giáo dục, đào tạo bố trí kinh phí từ ngân sách tự chủ của mình để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp được giao thuộc Kế hoạch. Các đơn vị có nguồn kinh phí được để lại theo quy định ưu tiên sử dụng nguồn kinh phí này để thực hiện Kế hoạch phù hợp quy định của pháp luật.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ theo Kế hoạch; định kỳ hàng năm, trước ngày 15/12 tổng hợp, báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ, UBND tỉnh kết quả triển khai thực hiện.

b) Thực hiện nhiệm vụ tại điểm a nội dung 1.1 Mục II, phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện nhiệm vụ tại điểm b nội dung 1.1 Mục II và các nội dung khác thuộc Kế hoạch phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao.

c) Tham mưu cho UBND tỉnh phê duyệt danh mục triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên cơ sở đề xuất và đề xuất đặt hàng của các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan để phục vụ phát triển kinh tế số và xã hội số; các nhiệm vụ liên quan đến truy xuất nguồn gốc của sản phẩm, hàng hóa. Hướng dẫn và hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện truy xuất nguồn gốc, đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp (nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp, sáng chế, chỉ dẫn địa lý), áp dụng các giải pháp về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng

suất, chất lượng góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tại địa phương phục vụ phát triển kinh tế số và xã hội số năm 2025.

c) Phối hợp Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn các cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình trên địa bàn tỉnh, các đơn vị có Cổng/Trang thông tin điện tử,... đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền các nội dung của Kế hoạch.

2. Sở Tài chính

a) Trên cơ sở đề xuất của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, Sở Tài chính xem xét khả năng cân đối ngân sách của tỉnh, tổng hợp kế hoạch (danh mục) dự án đầu tư công báo cáo UBND tỉnh theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn liên quan. Phối hợp các đơn vị liên quan và căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương, tham mưu cho UBND tỉnh bố trí kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản liên quan để triển khai Kế hoạch.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện các nhiệm vụ tại điểm a nội dung 1.7 khoản 1 Mục II và các giải pháp tại điểm c, d khoản 3 Mục III theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

c) Thực hiện các nhiệm vụ tại khoản 6 Mục III theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

d) Thực hiện các nội dung khác thuộc Kế hoạch phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Thực hiện các nhiệm vụ tại điểm c nội dung 1.5 khoản 1 và nội dung 2.3 khoản 2 Mục II.

b) Chủ động phối hợp với ngành ngân hàng trên địa bàn trong việc đẩy mạnh phát triển thanh toán không dùng tiền mặt.

c) Thực hiện các nhiệm vụ tại điểm a, nội dung 1.8 khoản 1 Mục II theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

d) Thực hiện các nội dung khác thuộc Kế hoạch phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao.

4. Sở Nội vụ

a) Thực hiện các nhiệm vụ tại điểm b nội dung 1.5 khoản 1 Mục II.

b) Thực hiện các nội dung khác thuộc Kế hoạch phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao.

5. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ các nền tảng công nghệ phát triển sản phẩm, hàng hóa ứng dụng các công nghệ số truy xuất nguồn gốc, đáp ứng tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế nhằm tăng năng lực cạnh tranh, thúc đẩy tiêu thụ các mặt hàng chủ lực của tỉnh.

b) Thực hiện các nhiệm vụ tại nội dung 2.1 khoản 2 Mục II theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

c) Thực hiện các nội dung khác thuộc Kế hoạch phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao.

6. Sở Y tế

a) Chủ trì thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ phát triển các nền tảng số quốc gia đối với nền tảng hỗ trợ tư vấn khám chữa bệnh từ xa, nền tảng hồ sơ sức khỏe điện tử, nền tảng trạm y tế xã.

b) Chủ động phối hợp với ngành ngân hàng trên địa bàn trong việc đẩy mạnh phát triển thanh toán không dùng tiền mặt.

c) Thực hiện các nhiệm vụ tại điểm a, nội dung 1.8 khoản 1 Mục II theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

d) Thực hiện các nội dung khác thuộc Kế hoạch phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao.

7. Sở Công Thương

a) Chủ trì hoặc phối hợp thực hiện các nhiệm vụ hỗ trợ phát triển các nền tảng số quốc gia đối với nền tảng sàn thương mại điện tử; Đưa sản phẩm OCOP trên các sàn thương mại điện tử nội địa; Triển khai thực hiện Hệ sinh thái xúc tiến thương mại số; Khuyến khích website thương mại điện tử có tích hợp chức năng đặt hàng trực tuyến.

b) Thực hiện các nhiệm vụ tại nội dung 2.4 khoản 2 Mục II theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

c) Thực hiện các nội dung khác thuộc kế hoạch phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao.

8. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện nhiệm vụ tại điểm b nội dung 1.1, điểm d nội dung 1.6 Mục II.

b) Chủ trì thực hiện nhiệm vụ nội dung 2.5 Mục II theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

c) Chủ trì thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ phát triển các nền tảng số quản trị và kinh doanh du lịch; Tài liệu cổ, quý hiếm và bộ sưu tập tài liệu có giá trị đặc biệt về lịch sử, văn hóa, khoa học do Thư viện tỉnh thu thập và quản lý được số hóa.

d) Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn các cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình trên địa bàn tỉnh, các đơn vị có Cổng/Trang thông tin điện tử,... đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền các nội dung của Kế hoạch.

e) Thực hiện các nội dung khác thuộc Kế hoạch phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao.

9. Công an tỉnh

a) Chủ trì thực hiện các nhiệm vụ tại điểm c nội dung 1.4 và nội dung 1.9 khoản 1 Mục II; triển khai thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ phát triển các nền tảng số quốc gia đối với nền tảng định danh người dân và xác thực điện tử; thực hiện các nội dung khác thuộc Kế hoạch phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ triển khai các nhiệm vụ, giải pháp xây dựng không gian mạng an toàn, lành mạnh, bảo đảm quyền và lợi ích của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia vào hoạt động kinh tế số, xã hội số.

10. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực 14

Phối hợp với các Sở, ngành liên quan tổ chức triển khai Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh; chỉ đạo các ngân hàng thương mại trên địa bàn nâng cấp, phát triển hạ tầng thanh toán hiện đại theo hướng dẫn của Hội sở, hoạt động an toàn, hiệu quả; tăng cường kết nối liên thông, tích hợp với các hệ thống khác để đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt.

11. Cục Thống kê tỉnh

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện điều tra, khảo sát, thu thập, công bố kết quả thống kê, đo lường các chỉ tiêu kinh tế số, xã hội số theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

12. Đề nghị Chi cục Thuế khu vực XVII – Bộ phận một cửa Vĩnh Long

a) Thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ triển khai các nền tảng số quốc gia đối với nền tảng hóa đơn điện tử trên địa bàn tỉnh.

b) Thực hiện các nội dung khác thuộc Kế hoạch phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao.

13. Các sở, ban, ngành và địa phương

a) Chủ động tổ chức, triển khai, thực hiện Kế hoạch phù hợp chức năng nhiệm vụ được giao.

b) UBND các địa phương phối hợp thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tại điểm 1.6, 1.7, 1.8 khoản 1, khoản 2 Mục II; bảo đảm kinh phí (chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên) để thực hiện các nhiệm vụ, dự án phát triển kinh tế số, xã hội số địa phương mình; có giải pháp ưu tiên chi cho chuyển đổi số, chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

c) Kiểm tra, đánh giá, báo cáo định kỳ và đột xuất tình hình thực hiện kế hoạch về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ, UBND tỉnh theo quy định.

d) Chủ trì, phối hợp thực hiện các nội dung khác thuộc Kế hoạch phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao.

14. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh: phát huy vai trò trong tuyên truyền, vận động, giám sát thực hiện Kế hoạch. Chủ động, tích cực trong việc phản biện chính sách, pháp luật; phát động hội viên, doanh nghiệp chủ động làm chủ công nghệ, cung cấp sản phẩm, dịch vụ có chất lượng; tham gia cùng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Sở Khoa học và Công nghệ trong việc tuyên truyền, phổ biến, khảo sát, đánh giá mức độ chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số.

- Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh: chỉ đạo hệ thống tổ chức đoàn cơ sở các cấp cử đầu mối tới tận cấp xã, tham gia mạng lưới hỗ trợ triển khai chuyển đổi số do Sở Khoa học và Công nghệ điều phối; chủ động phát động các chiến dịch đoàn viên thanh niên tuyên truyền, phổ biến kỹ năng số, hỗ trợ, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ trên môi trường số.

- Liên đoàn Lao động tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh, Liên minh Hợp tác xã tỉnh: tuyên truyền, chỉ đạo hệ thống tổ chức thành viên chủ động tham gia phát triển và ứng dụng công nghệ số phục vụ kinh tế số và xã hội số.

15. Báo và Đài Phát thanh và Truyền hình Vĩnh Long và các cơ quan báo chí trên địa bàn tỉnh

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến sâu rộng trong các ngành, các cấp và Nhân dân về nội dung Kế hoạch một cách thường xuyên, định kỳ hàng tuần, hàng tháng; thực hiện các nội dung khác thuộc Kế hoạch phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao.

16. Các trường cao đẳng, đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp

a) Căn cứ vào nội dung Kế hoạch để xây dựng chương trình đào tạo phù hợp với sự phát triển kinh tế số, xã hội số.

b) Các trường cao đẳng, đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nghiên cứu, bổ sung vào chương trình đào tạo các bộ môn chuyên ngành, nội dung kiến thức, kỹ năng mới phù hợp với nhu cầu nhân lực công nghệ thông tin, công nghệ số trong 05 - 10 năm tới.

c) Huy động tối đa các nguồn lực hiện có, kết hợp với các chương trình, dự án khác, khai thác hiệu quả vốn đầu tư của Nhà nước để đào tạo nhân lực về công nghệ số, kinh tế số và xã hội số.

d) Tăng cường hàm lượng thực hành trong đào tạo các chuyên ngành công nghệ số, kinh tế số, xã hội số, đưa các nền tảng số, công nghệ số, đặc biệt là các nền tảng số của Việt Nam, công nghệ mở vào giới thiệu trong các chương trình đào tạo để sinh viên có điều kiện thực hành và tiếp cận thực tế.

đ) Tích cực triển khai chuyển đổi số toàn diện, tham gia xây dựng và triển khai thí điểm cao đẳng số.

e) Chủ trì, phối hợp thực hiện các nhiệm vụ tại điểm b nội dung 1.5 khoản 1 Mục II; thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ phát triển các nền tảng số quốc gia đối với nền tảng dạy, học trực tuyến; thực hiện các mục tiêu, giải pháp, nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ.

17. Các doanh nghiệp Bưu chính, Viễn thông - Công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh

a) Các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông - công nghệ thông tin ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư xây dựng, nâng cấp hạ tầng số, hạ tầng bưu chính rộng khắp đáp ứng yêu cầu của phát triển kinh tế số, xã hội số. Đồng thời, cùng với Nhà nước tham gia đào tạo, hướng dẫn người dân sử dụng các kỹ năng số.

b) Các doanh nghiệp nhà nước có trách nhiệm tiên phong chuyển đổi số, phát triển các nền tảng số quốc gia, nền tảng số ngành; chuyển đổi thành các doanh nghiệp công nghệ số, hình thành hệ sinh thái sản phẩm, dịch vụ số xung quanh mảng kinh doanh lõi.

c) Các doanh nghiệp công nghệ số chủ động phát triển các nền tảng số, tham gia Chương trình phát triển nền tảng số quốc gia, giải quyết các vấn đề về phát triển kinh tế số, xã hội số; xây dựng hệ sinh thái nội dung hấp dẫn, lành mạnh để tạo thói quen trực tuyến cho người dân.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện phát triển kinh tế số và xã hội số năm 2025./.

Nơi nhận:

- Bộ KH&CN (b/c);
- TT.Tỉnh ủy; TT.HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT.UBND tỉnh (b/c);
- Công an tỉnh (để thực hiện);
- Các sở, ban, ngành tỉnh (để thực hiện);
- UBND các huyện, TX, TP (để thực hiện);
- Các tổ chức chính trị - xã hội (để thực hiện);
- Đài PTTHVL, Báo Vĩnh Long (để thực hiện);
- Các doanh nghiệp BC, VT (để thực hiện);
- GD, các PGĐ Sở;
- Lưu: VT, CDS.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lê Thế Vinh

